

Vortragsthema:

Fragen der Eigentumsverhältnisse im Entwurf der Verfassungsänderung

*LLM. Le Thi Loi
Fakultät für Wirtschaftsrecht, Rechtshochschule Hanoi
- Zentrum für Deutsches Recht*

I. Allgemeine Zusammenfassung über die Eigentumsverhältnisse bei vergangenen Verfassungsänderungen

In der ersten Verfassung Vietnams von 1946 wurde festgelegt: „Das private Vermögensrecht des vietnamesischen Bürger wird gewährleistet“ (§12).

Nach der Verfassung von 1959 wurden folgende Hauptformen des Eigentums in einer Übergangsperiode anerkannt: Staatseigentum als Volkseigentum, kollektives Eigentum der Genossenschaften, Privateigentum und Eigentum der nationalen Kapitalisten.

Mit der Verfassung von 1980 wurde der Umfang des Volkseigentums erweitert (§ 19). Zum Volkseigentum gehören auch alle wichtigen ökonomischen Naturressourcen.

Gemäß der Verfassung von 1992 und der Verfassung von 2001 (§ 15) wurden drei Eigentumsformen festgelegt: Das Volkseigentum, das kollektive Eigentum und das Privateigentum. Das Volkseigentum und das kollektive Eigentum bilden die wichtigsten Grundlagen der Eigentumsverhältnisse.

II. Veränderungen des neuen Verfassungsentwurfs bezüglich der Wirtschaftsordnung im Vergleich zur Verfassung 1992

In den Verfassungen von 1992 und 2001 wurden die wirtschaftlichen Fragen in einem Kapitel mit dem Namen „Wirtschaftsordnung“ behandelt.

Im neuen Verfassungsentwurf werden die Bestimmungen zur Wirtschaftsordnung in einem Kapitel mit anderen Bereichen zusammengefasst. Das Kapitel 3 lautet: „Über die Wirtschaft, Soziales, Kultur, Bildung, Wissenschaft und Umwelt.“ Darüber gibt es noch unterschiedliche Meinungen. Wichtig ist, dass die Bestimmungen eindeutig und verallgemeinert abgefasst werden müssen.

III. Einige Änderungsvorschläge bezüglich der Eigentumsverhältnisse in der Verfassung von 1992

1. Die Klärung des Begriffs des öffentlichen Eigentums, um ein allgemeines, abstraktes Verständnis in diesem Zusammenhang zu vermeiden. Bis jetzt haben viele der führenden Wissenschaftler Vietnams darüber diskutiert und Hinweise gegeben. Der Ausarbeitungsausschuss sollte sich darauf konzentrieren, ein entsprechendes Konzept zu erstellen.
2. Die Klärung des Begriffs "kollektives Eigentum", vor allem bei den Genossenschaften. Grund dafür ist die Schwierigkeit, die Vermögen des kollektiven Eigentums und die zum allgemeinen Eigentum der Unternehmen gehörenden Vermögen zu unterscheiden. In der Verfassung von 1992 wurden drei Eigentumsformen festgelegt: das Volkseigentum (noch als Staatseigentum bezeichnet), das kollektive Eigentum und das Privateigentum, wobei das Volkseigentum und das kollektive Eigentum die wichtigsten Grundlagen der Eigentumsverhältnisse bilden und vom Staat gewährleistet werden.
3. Das Bodennutzungsrecht des Unternehmens: Nach den gesetzlichen Bestimmungen, nämlich dem Bodengesetz von 2003, dem Investitionsgesetz von 2005 und dem Unternehmensgesetz von 2005, bestehen noch deutliche Ungleichbehandlungen der in- und ausländischen Unternehmen sowie der staatlichen und nicht-staatlichen Unternehmen. Speziell müssen die kleinen und mittleren Unternehmen in der Regel eine 2- bis 2,5-mal höhere Bodenmiete als große Unternehmen leisten. Im Prinzip, haben die Unternehmen, auch wenn sie die jährliche Miete für die Bodennutzung bezahlen, trotzdem beschränkte Eigentumsrechte. Sie umfassen nicht die Rechte wie die Eigentumsübergabe, Hypothek, Bürgschaft oder den Kapitalbeitrag durch das Bodennutzungsrecht.
Im Gegensatz dazu haben die Unternehmen gemäß dem Bodengesetz von 2003 breitere Eigentumsrechte (§§ 109, 110 für die Unternehmen, die den vom Staat übergebenen Boden bewirtschaften oder §120 für die ausländischen Personen und Unternehmen, die den Boden in Vietnam mieten).
4. Anerkennung des Multi-Bodeneigentums
Gründe dafür: In den vergangenen Jahren wandelte sich Vietnam von zentraler Planwirtschaft zur Marktwirtschaft mit mehreren unterschiedlichen Wirtschaftssektoren. Dadurch veränderten sich die Bodeneigentumsverhältnisse ebenfalls radikal. In der Verfassung von 1992 wurde das Bodeneigentum noch weiterhin wie in der Verfassung von 1980 als Volkseigentum festgelegt. Das bedeutet, dass die Bodeneigentumsverhältnisse heute nicht der veränderten Wirtschaftsordnung entsprechen. Deshalb ist es notwendig geworden, die tatsächlichen Multiformen des Bodeneigentums anzuerkennen.

Tham luận: Về quan hệ sở hữu trong Dự thảo hiến pháp sửa đổi

Ths. Lê Thị Lợi
Giảng viên khoa pháp luật kinh tế
- Trung tâm pháp luật Đức,
Trường Đại học Luật Hà Nội

I. Khái quát chung về sở hữu qua các lần sửa đổi Hiến pháp

“Hiếm khi có quốc gia nào trên thế giới này mất công phân loại ra vô số loại hình sở hữu và ghi nhận chúng trong một bản Hiến pháp như ở nước ta... Sở hữu tư của cá nhân, của một công ty hay một quốc gia đều có tính loại trừ có thể so sánh được với nhau. Sự phân biệt sở hữu theo loại hình chủ thể là một việc làm ít ý nghĩa về pháp lý và ít mang tính khái quát,¹. Đây là một nhận xét mà tôi muốn chia sẻ và chứng minh một cách khái quát nhất qua những lần sửa đổi Hiến pháp:

Bản Hiến pháp đầu tiên của Việt Nam 1946 quy định tại điều 12 như sau: “Quyền tư hữu tài sản của công dân Việt Nam được bảo đảm,, như vậy tại bản Hiến pháp này chưa có khái niệm “Sở hữu toàn dân,,. Đến Hiến pháp 1959 ghi nhận tại điều 15: “Ở nước Việt Nam dân chủ cộng hòa trong thời kỳ quá độ, các hình thức sở hữu chủ yếu về tư liệu sản xuất hiện nay là: Hình thức sở hữu của nhà nước tức là của toàn dân, hình thức sở hữu của hợp tác xã tức là hình thức sở hữu tập thể của nhân dân lao động, hình thức sở hữu của người lao động riêng lẻ và hình thức sở hữu của nhà tư sản dân tộc ,,. Và để làm rõ hơn khái niệm sở hữu của nhà nước, tức là sở hữu toàn dân thì điều 12 có liệt kê: Kinh tế quốc doanh, hầm mỏ, sông ngòi, rừng cây, đất hoang, tài nguyên khác mà pháp luật quy định của nhà nước, đều thuộc sở hữu toàn dân.

Hiến pháp 1980 quy định tại điều 19 về sở hữu thì phạm vi của sở hữu toàn dân đã được mở rộng ra tất cả các nguồn tài nguyên kinh tế quan trọng của quốc gia. Đến Hiến pháp 1992 và 2001 (điều 15) thì quy định 3 chế độ sở hữu là sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân, trong đó sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể là nền tảng.

Dựa trên cơ sở này thì cách phân chia doanh nghiệp lúc đó là Doanh nghiệp nhà nước và các Hợp tác xã được các nhà khoa học coi là Doanh nghiệp tập thể (giáo trình Luật Kinh tế năm 1996,tái bản năm 2000 của trường đại học luật Hà nội và giáo trình Luật kinh tế Việt nam ,Nhà xuất bản chính trị Quốc gia năm 2002). các công ty theo theo Luật công ty năm 1990 và Luật DNTN 1990. Năm 1995 Luật

¹ PGS.TS Phạm Duy Nghĩa, Trưởng khoa Luật, ĐH KT TP HCM – Bài viết tham luận Hội thảo về sửa đổi Hiến pháp 1992

DNNN đầu tiên ra đời và sửa đổi bổ sung năm 2003, và đến nay thì được điều chỉnh chung bởi Luật doanh nghiệp 2005.

Hợp tác xã thì được quy định riêng trong Luật HTX năm 1996 và Luật HTX 2003 và Luật mới 2012, hiệu lực thi hành năm 2013.

II. Những thay đổi của dự thảo Hiến pháp mới so với Hiến pháp 1992 về chế độ kinh tế.

Nếu như Hiến pháp 1992 và 2001 để phân quy định về kinh tế vào một chương riêng gọi là chế độ kinh tế, thì Dự thảo Hiến pháp 2013 gộp phần này vào chương 3 với tên gọi: “Về kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường,.. Trong quá trình lấy ý kiến thì cũng có ý kiến cho rằng: Phải bổ sung thêm một số nội dung trong tên chương như: y tế, tài nguyên, hoặc có ý kiến cho rằng tên chương mà đề tên cụ thể như vậy sẽ khá dài nên cần ghi ngắn gọn: “Kinh tế - xã hội,.. Bản thân tôi đồng ý với tên gọi của Dự thảo bởi đây là gộp cả 2 chương (2 và 3) trong Hiến pháp 1992 – Vấn đề là thể hiện nội dung các điều khoản trong đó như thế nào, vừa khái quát vừa phải rõ ràng để đảm bảo Hiến pháp là một đạo luật gốc, đạo luật cơ bản, vừa làm cơ sở ban hành các luật khác.

Tuy nhiên về nội dung cụ thể của các điều 56, 58, 67 có nội dung còn trùng lặp với các chương khác của Dự thảo thì cần phải sửa đổi.

Bàn về một số điều quy định về tính chất nền kinh tế và về các thành phần kinh tế (điều 53 và 54 của dự thảo Hiến pháp). Điều 53 của dự thảo trên cơ sở sửa đổi, bổ sung điều 15, điều 43 của Hiến pháp 1992, quy định như sau: “Nước CHXHCN Việt nam xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trên cơ sở phát huy nội lực, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phát triển kinh tế kết hợp chặt chẽ, hài hoà với phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường ..”

Như vậy là điều 53 quy định về mục tiêu, động lực và nội hàm của nền kinh tế Việt Nam. Một điều không thể phủ nhận được rằng: Tính chất nền kinh tế đóng vai trò quan trọng và có tính quyết định đối với định hướng phát triển đất nước, vì vậy việc quy định một điều khoản riêng về tính chất, mục tiêu của nền kinh tế là cần thiết. Tôi cũng đồng quan điểm này. Đồng thời cũng phải quy định rõ về các thành phần kinh tế (điều 54). Điều 54 được xây dựng trên cơ sở sửa đổi bổ sung các điều 15, 16, 19, 20, 21 và 25 của Hiến pháp 1992; theo đó điều 54 quy định: “ 1. Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. 2. Các thành phần

kinh tế đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân, cùng phát triển lâu dài, hợp tác, bình đẳng và cạnh tranh theo pháp luật,,.

Như vậy, theo điều 54 trong dự thảo Hiến pháp 2013 thì tính chất nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là một quan điểm không mới vì đã được khẳng định trong các văn kiện của Đảng cộng sản Việt Nam. Vì vậy đây chỉ là sự thể chế hoá quan điểm của Đảng mà thôi. vấn đề đặt ra theo tôi là mục tiêu thì đã rõ ràng nhưng làm thế nào để đảm bảo sự hài hoà và cân bằng mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội, tức là thực hiện mục tiêu phát triển bền vững. Dự thảo Hiến pháp 2013 không quy định cụ thể về các thành phần kinh tế theo hướng liệt kê mà theo hướng khái quát. Theo tôi đây là một bước tiến của kỹ thuật lập pháp. Việc không nêu các thành phần kinh tế cụ thể sẽ đảm bảo tính ổn định lâu dài của Hiến pháp, không phải sửa đổi Hiến pháp qua mỗi giai đoạn. Khi có sự bổ sung, phát triển quan điểm về các thành phần kinh tế cụ thể sẽ không làm hạn chế các thành phần kinh tế mới. Việc quy định tên gọi và vai trò của từng thành phần kinh tế cụ thể nên để cho các văn bản luật và các chính sách cụ thể của Nhà nước xác định, trong đó cần làm rõ vai trò của kinh tế Nhà nước, kinh tế tư nhân, kinh tế đầu tư nước ngoài. Kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo nhưng kinh tế tư nhân phải được đặc biệt quan tâm vì sẽ là động lực cho sự phát triển nhanh của nền kinh tế và kinh tế đầu tư nước ngoài phải được khuyến khích.

III. Một số kiến nghị sửa đổi các quy định của Hiến pháp 1992 về sở hữu

1. Cần làm rõ khái niệm sở hữu toàn dân để tránh cách hiểu chung chung, trừu tượng, dễ bị lợi dụng làm sai lệch các quy định của pháp luật và về vấn đề này đã có khá nhiều ý kiến của các nhà khoa học hàng đầu của Việt Nam, ban soạn thảo hiến pháp cần tập trung để đưa ra một khái niệm cho phù hợp (tham khảo ý kiến...)
2. Làm rõ khái niệm: “ Sở hữu tập thể,, đặc biệt trong các hợp tác xã, nếu không sẽ khó phân biệt giữa tài sản thuộc sở hữu tập thể và tài sản thuộc sở hữu chung mà các công ty hiện đang nắm giữ. Hiến pháp 1992 quy định 3 chế độ sở hữu là: Sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân. Trong đó sở hữu tập thể là 1 trong 2 chế độ sở hữu quan trọng nhất cùng với chế độ sở hữu nhà nước là nền tảng của chế độ sở hữu, được nhà nước bảo đảm.
3. Quyền sử dụng đất của doanh nghiệp: Theo các quy định của pháp luật, cụ thể là theo Luật đất đai 2003, Luật đầu tư 2005, Luật Doanh nghiệp 2005 thì rõ ràng là còn có sự phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp có vốn nước ngoài, doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước và các doanh nghiệp ngoài nhà nước. Đặc biệt là đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, tiền thuê đất thường cao gấp 2 đến 2,5 lần so với doanh nghiệp lớn.

Ở đây có thể trích: “ Luật lao động 2003 có những quy định mang tính phân biệt đối xử giữa tổ chức được giao đất, nhà đầu tư nước ngoài thuê đất và doanh nghiệp Việt nam thuê đất, trong đó không hiếm khi doanh nghiệp trong nước được đối xử kém bình đẳng hơn so với doanh nghiệp nước ngoài,,. Về nguyên tắc nếu doanh nghiệp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, quyền của doanh nghiệp đối với quyền sử dụng đất đai khá hạn chế, không bao gồm các quyền chuyển nhượng, thế chấp, bảo lãnh hay góp vốn bằng quyền sử dụng đất đã được thuê. Doanh nghiệp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đã có những quyền tài sản đối với công trình xây dựng, nhà xưởng hoặc các tài sản tư hữu khác gắn liền với đất đã được thuê. Ngược lại, theo Luật đất đai 2003 các doanh nghiệp được giao đất theo điều 109 và 110; các tổ chức, cá nhân nước ngoài thuê đất tại Việt Nam theo điều 120 lại có những quyền tài sản rộng hơn đối với quyền sử dụng đất.

4. Thừa nhận đa sở hữu về đất đai

Lý do: Việt Nam đã chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường nhiều thành phần. Khi chuyển sang kinh tế thị trường, quan hệ về đất đai trong xã hội đã thay đổi căn bản. Hiến pháp năm 1992 vẫn tiếp tục khẳng định chế độ sở hữu toàn dân về đất đai như ghi trong Hiến pháp 1980. Như vậy thể chế đất đai không đồng nhất với thể chế chung của nền kinh tế. Vì vậy cần thừa nhận đa sở hữu về đất đai.